

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ TÀI SẢN TRONG DOANH NGHIỆP

I. Quản lý tài sản cố định (TSCĐ).

1. Khái niệm.
2. Phân loại.
3. Các quyết định về TSCĐ.

II. Quản lý tài sản lưu động (TSLĐ).

1. Khái niệm.
2. Phân loại.
3. Các quyết định về TSLĐ.

Công ty thương mại A có bảng cân đối kế toán 31/12/2011 như sau:

TÀI SẢN		NGUỒN VỐN	
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	541.700	I. NỢ PHẢI TRẢ	382.300
1. Tiền	55.000	1. Nợ ngắn hạn	302.300
2. Phải thu khách hàng	350.800	- vay ngắn hạn	79.500
3. Hàng tồn kho	80.000	- phải trả người bán	198.900
4. Chứng khoán ngắn hạn	40.000	- Phải trả CNV	15.900
5. Tài sản ngắn hạn khác	15.900	- Thuế và các khoản phải nộp NN	8.000
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	239.500	2. Nợ dài hạn	80.000
1. Tài sản cố định	160.000	- Trái phiếu	80.000
- Nguyên giá	240.000	II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	398.900
- Khấu hao lũy kế	-80.000	- Cổ phiếu thường	340.000
2. Chứng khoán dài hạn	79.500	- Cổ phiếu ưu đãi	40.000
		- Lợi nhuận giữ lại	18.900
Tổng cộng tài sản	781.200	Tổng cộng nguồn vốn	781.200

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

1. *Khái niệm*

- Tài sản cố định là những **tư liệu lao động** - (tiếng Anh: Means of labor) là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên nguyên vật liệu, nhằm biến đổi thành thành phẩm - tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh (SXKD) với thời gian luân chuyển tương đối dài ,giá trị tương đối lớn và hình thái vật chất không thay đổi từ chu kỳ SXKD đầu tiên đến khi thanh lý.
- Lưu ý: không phải tất cả tư liệu lao động đều là tài sản cố định.

=> Tiêu chuẩn nhận biết TSCĐ ?

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

1. Khái niệm

- Tiêu chuẩn nhận biết TSCĐ:

+ Giá trị tương đối lớn: Hiện nay ở Việt Nam theo qui định là có giá trị từ 30 triệu VND trở lên.

+ Thời gian sử dụng dài: thông thường qui định có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên.

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

1. Khái niệm

- Đặc điểm TSCĐ:

+ TSCĐ giữ nguyên hình thái biểu hiện khi tham gia vào hoạt động SXKD.

+ TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh.

+ Giá trị của TSCĐ dịch chuyển dần vào giá trị sản phẩm thông qua khấu hao.

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

2. *Phân loại*

- Theo hình thái biểu hiện:
 - + TSCĐ hữu hình: là những tài sản có hình thái vật chất cụ thể. VD: ?
 - + TSCĐ vô hình: là những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong sản xuất kinh doanh.
VD: ?

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

2. *Phân loại*

- Theo quyền sở hữu:
 - + TSCĐ tự có: là những tài sản xây dựng, mua sắm hoặc chế tạo bằng nguồn vốn của doanh nghiệp.
 - + TSCĐ đi thuê.

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

3. Các quyết định về TSCĐ

a. Quyết định tăng TSCĐ:

-DN đưa ra quyết định tăng TSCĐ:

- + TSCĐ cũ kỹ, lạc hậu.

- + DN muốn mở rộng qui mô SXKD, tăng năng suất lao động.

-Phương thức: Mua TSCĐ hoặc thuê TSCĐ.

=> Câu hỏi: Ưu và nhược điểm của mua TSCĐ, thuê TSCĐ?

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

3. Các quyết định về TSCĐ

a. Quyết định tăng TSCĐ:

-Xác định nguyên giá TSCĐ:

$NG_{\text{mua}} = \text{Giá mua trên HĐ} + \text{Chi phí mua} + \text{Thuế NK, TTĐB (nếu có)} + \text{Thuế trước bạ (nếu có)}$

VD: Đầu năm 2012, công ty có đầu tư một TSCĐ có giá mua là 550, chi phí lắp đặt chạy thử 50, chi phí vận chuyển 100. Nguyên giá ?

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

3. Các quyết định về TSCĐ

b. Quyết định khấu hao TSCĐ:

-Khái niệm khấu hao: Khấu hao TSCĐ là sự biểu hiện bằng tiền của phần giá trị TSCĐ đã hao mòn.

-Ý nghĩa của chi phí khấu hao:

+ Thu hồi số tiền ứng ra để hình thành nên TSCĐ (vốn cố định) qua từng thời kỳ.

+ Định lượng giá trị hao mòn của TSCĐ phục vụ cho một chu kỳ SXKD.

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

3. Các quyết định về TSCĐ

- Đặc điểm của chi phí khấu hao:
 - + Chi phí không bằng tiền.
 - + Chi phí giảm thuế (lá chắn thuế).
- Xác định chi phí khấu hao:
 - + Phương pháp : khấu hao đường thẳng (KH đều).
 - + Cách tính:

$\text{Dep/năm} = \text{NG} / \text{Thời gian trích khấu hao.}$

$\text{Dep/năm} = \text{NG} * \text{Tỷ lệ khấu hao đều.}$

Dep: Khấu hao (depreciation) ; NG: Nguyên giá

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

3. Các quyết định về TSCĐ

- Đặc điểm của chi phí khấu hao:

Chi phí giảm thuế (lá chắn thuế).

VD 1: Doanh thu trong năm là 10.000 tr, chi phí trong năm là 5.000tr. Thuế TNDN là 20%

VD 2: Doanh thu trong năm là 10.000 tr, chi phí trong năm là 5.000tr. Trong năm phát sinh thêm 1.000tr chi phí khấu hao (Dep). Thuế TNDN là 20%

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

3. Các quyết định về TSCĐ

- Đặc điểm của chi phí khấu hao:

Chi phí giảm thuế (lá chắn thuế) - lời giải

VD 1: Lợi nhuận trước thuế (EBT): $10.000 - 5.000 = 5.000$

Thuế phải trả: $5.000 * 20\% = 1.000$

Lợi nhuận sau thuế (EAT): $5000 - 1000 = 4000$

VD 2:

Lợi nhuận trước thuế (EBT): $10.000 - 5.000 - 1000 = 4.000$

Thuế phải trả: $4.000 * 20\% = 800$

Lợi nhuận sau thuế (EAT): $4000 - 800 = 3200$

Chi phí thuế tiết kiệm được : 200

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

3. Các quyết định về TSCĐ

- Đặc điểm của chi phí khấu hao:

Tuy nhiên!!!

EAT VD1 > EAT VD 2: 4000 > 3200

Tiết kiệm 200tr thuế phải trả, giảm 800tr EAT?

Dep không phải là chi phí thật sự bằng tiền

$$CFAT = EAT + Dep$$

CFAT VD 1 : 4000 + 0 = 4000

CFAT VD 2 : 3200 + 1000 = 4200

Ví Dụ

1. Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ là 30.000 triệu, tỷ lệ khấu hao 10%/năm. Tính chi phí khấu hao trong năm.
2. Tổng vốn đầu tư ban đầu là 30.000 triệu đồng, trong đó đầu tư 10% cho tài sản lưu động, phần còn lại đầu tư vào tài sản cố định. Tài sản cố định được trích khấu hao đều trong 10 năm. Tính chi phí khấu hao trong năm.

Lời giải

1. Chi phí khấu hao: $30.000 * 10\% = 3.000$ (tr/năm)
2. Vốn đầu tư cho TSCĐ: $30.000 * 90\% = 27.000$ Tr,
Chi phí khấu hao = $27.000 / 10 = 2.700$ (tr/năm)

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

- Xác định chi phí khấu hao:

- + Phương pháp : khấu hao nhanh.

Là phương pháp sử dụng thời gian khấu hao ngắn, **tỷ lệ khấu hao 1 năm lớn** nhằm nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư vào TSCĐ

- *Ưu điểm*: nhanh thu hồi vốn, và cũng được coi là một phương pháp hoãn thuế tạm thời cho doanh nghiệp.

- *Nhược điểm*: làm chi phí tăng đột biến khiến cho chi phí sản xuất tăng dẫn đến giá vốn hàng bán tăng, giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp kinh doanh chưa ổn định hoặc chưa có lãi không nên áp dụng phương pháp khấu hao này.

I. Quản lý tài sản cố định (Long – term assets)

3. *Các quyết định về TSCĐ*

+ Khấu hao lũy kế:

➤ Khấu hao lũy kế là gì?

➤ Công thức :

Khấu hao lũy kế_n = Khấu hao lũy kế_{n-1} + Chi phí khấu hao_n

TÀI SẢN	2012	2011
Tài sản ngắn hạn	<u>723.900</u>	<u>593.100</u>
Tiền	390.000	224.600
Đầu tư tài chính ngắn hạn	140.000	64.000
Phải thu khách hàng	72.000	150.000
Hàng tồn kho	98.900	124.000
Tài sản ngắn hạn khác	23.000	30.500
Tài sản dài hạn	<u>840.000</u>	<u>930.000</u>
Tài sản cố định	540.000	630.000
<i>Nguyên giá</i>	<i>900.000</i>	<i>900.000</i>
<i>Khấu hao lũy kế</i>	<i>-360.000</i>	<i>-270.000</i>
Đầu tư tài chính dài hạn	300.000	300.000
Tổng tài sản	1.563.900	1.523.100